

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022 (Cơ sở 2)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	95%	95%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100%	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	95%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	100%	100%

Quận 7, ngày 24 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Lý Thị Hạnh Dung

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Thực tế năm học 2021 – 2022 (Cơ sở 2)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	448		17	26	111	154	140
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi / ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi / ngày	448		17	26	111	154	140
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	448		17	26	111	154	140
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	448		17	26	111	154	140
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	43		17	26			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	426				111	154	140

Quận 7, ngày 24 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Lý Thị Hạnh Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN KIẾNG

Biểu mẫu 03
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-
BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022 (Cơ sở 2)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	08	Số m ² /trẻ em
2	Phòng Âm nhạc	01	
4	Phòng Đa năng	01	
5	Phòng Hiệu trưởng	01	
6	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	
7	Phòng Hành chính	01	
8	Phòng Bảo vệ	01	
9	Nhà bếp + phòng kho	01	
II	Loại phòng học	04	-
1	Phòng học kiên cố	04	2m ² / trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	296.1	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	66.7	2.22
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	65.2	2.17
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	65.2	2.17
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	7.1	0.24
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	85.1	2.84
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	48.2	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4/4	4/4 lớp 114 bộ/nhóm lớp Theo thông tư 02/2017/TT- BGDĐT
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Máy vi tính	04	
2	Máy Laptop	01	
3	Bảng tương tác	00	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị / nhóm (lớp)
1	Ti vi	04	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	04	
3	Máy photo	00	
4	Máy vi tính	09	
5	Catsset	00	
6	Đầu Video/đầu đĩa	04	
7	Đồ chơi ngoài trời	00	
8	Bàn ghế đúng quy cách	04	
9	Thiết bị khác...		

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	07	04	02	0.24 m ²	0.24m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					
					Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)				X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				X	
XV	Tường rào xây				X	

Quận Tân Kiên, ngày 24 tháng 9 năm 2021



Lý Thị Hạnh Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN KIẾNG

Biểu mẫu 04
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-
BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 – 2022 (Cơ sở 2)**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49		02	16	10	05	15	13	09	08				
I	Giáo viên	27			15	10	02	0							
1	Nhà trẻ	4				04			02	02					
2	Mẫu giáo	23			15	06	02		11	06	06				
II	Cán bộ quản lý	03		02	01					01	02				
1	Hiệu trưởng	01			01						01				
2	Phó hiệu trưởng	02			01	01				01	01				
III	Nhân viên	19					03	16							
1	Nhân viên Văn thư	01					01								
2	Nhân viên Kế toán	01					01								
3	Nhân viên Thủ quỹ														
4	Nhân viên Y tế	01					01								
5	Nhân viên Cấp dưỡng	06						06							
6	Nhân viên Phục vụ	03						03							
7	Nhân viên Nuôi dưỡng	05						04							
8	Nhân viên Bảo vệ	03						03							

Quận 7, ngày 24 tháng 9 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG